

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2021/HCPT
Ngày: 19/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 312/2020/TLPT-HC ngày 21 tháng 5 năm 2020, về: “Khiếu kiện hủy quyết định hành chính liên quan đến thu hồi đất, giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại do chậm giao đất tái định cư”. Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5453/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Trần Thị Thu H - Sinh năm 1969. Địa chỉ: W 11.10551 Berlin - Cộng hòa Liên bang Đức. Vắng mặt.

1.2. Ông Phùng Hoàng T - Sinh năm 1963. Địa chỉ: L 1.14482 Potsdam - Cộng hòa Liên bang Đức. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H và ông Phùng Hoàng T: Bà Vũ Thị H1 - Sinh năm 1944. Địa chỉ: Số 2/13, phố NT, phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/5/2021). Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Số 45, phố Q, phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Dương Thái, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

2.2. UBND thành phố D, tỉnh Hải Dương; Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Số 106, đường T, phường P, thành phố D. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến P, chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồ Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch, (theo giấy ủy quyền ngày 02/02/2020). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

3.1. Ông Phạm Văn Điều, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bài phát biểu.

3.2. Ông Phạm Sỹ Chung, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH quốc tế Gia Phạm - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ông Phùng Hoàng T và bà Trần Thị Thu H là hai cá nhân góp tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất tại số 240 LN, thành phố Hải Dương của ông Vương Trọng H2, bà Đinh Thị T2. Sau đó, ông H2 ủy quyền cho bà Vũ Thị H1 để làm thủ tục chuyển nhượng và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Trong khi chưa hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ, đến năm 2007, UBND thành phố Hải Dương thông báo dự án làm đường 52m kéo dài, nên diện tích đất trên bị thu hồi 180,6m². Năm 2008, UBND thành phố Hải Dương giao cho ông T 01 suất đất tái định cư theo phương án ở vị trí khu vực đường 52m kéo dài, dự kiến lô đất được ghi rõ trong Quyết định (QĐ) số 1956/QĐ-UBND ngày 29/5/2008 của UBND thành phố Hải Dương, về việc thu hồi 769,6m² đất nông nghiệp do UBND phường Thanh Bình quản lý. Nhưng cho đến nay UBND thành phố Hải Dương không giao diện tích đất tái định cư cho ông T, bà H. Bà H1 là người được ủy quyền của ông T, bà H nhiều lần có đơn đề nghị UBND thành phố Hải Dương phải giao 01 lô đất tái định cư và bán 01 lô đất theo giá của UBND tỉnh Hải Dương. Theo quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND thành phố Hải Dương quyết định giao đất tái định cư tại phía Đông Q, TP Hải Dương cho ông T, bà H và theo quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND thành phố Hải Dương điều chỉnh thu tiền sử dụng đất trong đó ông T, bà H được 01 hạn mức tái định cư và bán 35m² theo giá của UBND tỉnh Hải Dương. Bà H1 cho rằng ông T, bà H là hai cá nhân đồng sở

hữu diện tích quyền sử dụng đất (QSDĐ) bị thu hồi là $180,6\text{m}^2$ nhưng chỉ được 01 hạn mức tái định cư là không đúng. Bà H1 đã làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố Hải Dương vào ngày 20/9/2018 với nội dung: Giải quyết tái định cư cho ông T, bà H thêm 01 suất tái định cư; Bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá tại đường 52m kéo dài so với đường BT; Bồi thường thiệt hại do Nhà nước chậm giao đất. Ngày 28/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương ban hành quyết định số 522/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung không chấp nhận 03 nội dung khiếu nại của bà H1. Ngày 11/02/2019, bà H1 có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương, khiếu nại quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương. Ngày 28/6/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành quyết định số 2192/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) với nội dung công nhận và giữ nguyên quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần hai, nên bà H1 được ủy quyền đã khởi kiện với nội dung: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương; Giải quyết cho ông T, bà H thêm 01 lô đất tái định cư; Bồi thường thiệt hại do Nhà nước chậm giao đất tái định cư từ năm 2007 đến năm 2018 do ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thu hồi đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và lần thay đổi cuối cùng bà H1 yêu cầu như sau: **Đề nghị hủy quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải D- ơng; Đề nghị UBND thành phố Hải D- ơng giải quyết tái định c- cho ông Tùng, bà Hoàn thêm 01 suất tái định c- ; Đề nghị UBND thành phố Hải D- ơng bồi th- ường thiệt hại do chênh lệch về giá đất tại đ- ờng Lê Thanh Nghị và đ- ờng Bà Triệu. Giá đất đ- ờng Lê Thanh Nghị là $13.200.000\text{đ}/\text{m}^2$ còn giá đất đ- ờng Bà Triệu là $4.800.000\text{đ}/\text{m}^2$, cụ thể số tiền chênh lệch là $8.400.000\text{đồng}$, diện tích là $180,6\text{m}^2 \times 8.400.000\text{đ} = 1.517.040.000\text{đồng}$; Thiệt hại do chậm giao đất là $10.258.080.000\text{đồng}$; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương bồi thường 06 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo biên bản kiểm kê khối lượng giải phóng mặt bằng ngày 13/9/2007. Cụ thể 06 nhà và tài sản gắn liền với đất khác tính thành tiền là $385.613.000\text{đ} \times 2,98$ (hệ số) = $1.149.126.000\text{đồng}$. Phụ lục bồi thường nhà điện quang (nhà số 4) là $25.550.000\text{đồng}$ do chưa được bồi thường; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương bồi thường $180,6\text{m}^2$ do đã thu hồi đất với số tiền bồi thường là $180,6\text{m}^2 \times 13.200.000\text{đ}/\text{m}^2$ (giá năm 2008) = $2.383.920.000\text{đồng}$.**

2. *Tại văn bản số 3329/UBND-VP ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương thể hiện quan điểm như sau:* Việc khiếu nại của bà Vũ Thị H1 đã được các cơ quan nhà nước giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Việc giao đất tái định cư cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H được cơ quan Nhà nước vận dụng điều kiện, chính sách pháp luật có lợi nhất

cho công dân theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 146/TB-VP ngày 19/9/2016, cụ thể: Ngày 13/11/2017, UBND thành phố Hải Dương đã ban hành QĐ số 2956/QĐ-UBND giao cho ông T, bà H thuộc diện GPMB xây dựng đường 52m (kéo dài) Lô số 9, diện tích 81,0m² và Lô số 10, diện tích 74,5m², tổng là 155,5m² tại khu G, đường BT, khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2), phường P, TP Hải Dương mục đích: Đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ngày 08/6/2018, UBND thành phố Hải Dương ban hành QĐ số 1725/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thu tiền sử dụng đất giao cho ông T, bà H tại khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2) để thực hiện dự án xây dựng đường 52m (kéo dài), thành phố Hải Dương. Cụ thể số tiền: Lô số 9, Khu G, diện tích 81,0m² đơn giá 4.800.000đ/m², thành tiền 388.800.000đ và Lô số 10, diện tích 74,5m², trong đó 39m² (120 - 81) tính theo đơn giá 4.800.000đ/m², thành tiền 187.200.000đ; 35,5m² (74,5-39), tính theo đơn giá 6.000.000đ/m², thành tiền 213.000.000đ, tổng là 400.200.000đ. Việc bà H1 yêu cầu tính toán giá trị chênh lệch giữa đường 52m và đường BT để trả cho ông T, bà H là không có căn cứ vì năm 2007-2008, UBND TP Hải Dương có định hướng tái định cư cho ông T, bà H 01 lô đất tại đường 52m nhưng chưa thực hiện bằng Quyết định cụ thể. Việc bà H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm giao đất, giải quyết bồi thường tái định cư cho gia đình từ năm 2007 đến 2018 là không có căn cứ theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm như đã giải quyết khiếu nại tại QĐ số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. *Tại Văn bản trình bày ý kiến của người đại diện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, trình bày:* Về dự án thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, bồi thường, tái định cư: Dự án đường 52m kéo dài do UBND thành phố Hải Dương làm chủ đầu tư. Quá trình thực hiện dự án, UBND tỉnh ban hành QĐ số 1714/QĐ-UB ngày 06/5/2004 và 1843/QĐ-UB ngày 18/5/2007 về việc thu hồi đất, bên cạnh đó là các văn bản đôn đốc thực hiện giải phóng mặt bằng, đảm bảo giao mặt bằng sạch cho đơn vị thi công từ 01/9/2009. UBND thành phố Hải Dương đã ban hành QĐ số 2097/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 thu hồi toàn bộ 215m² tại thửa đất số 4, tờ bản đồ 16, số nhà 240 LN. Tại QĐ số 2709/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất xây dựng đường 52m (đợt 6), theo đó bà H, ông T được bồi thường 150m² đất ở, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư 42,8m², hỗ trợ đất nông nghiệp khác 13,55m², không hỗ trợ 8,65m², tổng số tiền là 2.288.490.000đ. Ngày 29/8/2008 bà Vũ Thị H1 đã nhận số tiền 1.788.490.000đ, số tiền còn lại 500.000.000đ để lại đối trừ khi nhận đất tái định cư. Do bà H1 có kiến nghị về việc thu hồi đất nên UBND thành phố Hải Dương đã ban hành QĐ số 3507/QĐ-UBND ngày 04/12/2008 điều chỉnh giảm diện tích thu hồi 34,6m² (tại QĐ số 2097/QĐ-UBND ngày 19/12/2007) xuống còn

180,4m², trong đó đất ở được thu hồi còn 127,8m², diện tích để lại cho ông T, bà H là 25,95m², trong đó 22,2m² đất ở. Do ông T, bà H đang lao động và cư trú tại CHLB Đức nên đến năm 2011 Ban giải phóng mặt bằng mới xác minh được quan hệ giữa ông T, bà H (không phải là vợ chồng), khi đó bà H1 mới xuất trình được giấy ủy quyền của bà H lập ngày 24/10/2011 và UBND thành phố đã trực tiếp làm việc với ông T ngày 21/4/2011, ông T không có ý kiến, khiếu nại gì về phương án bồi thường tài sản. Về phương án tái định cư: Tại phương án bồi thường, tái định cư lập ngày 30/6/2008 Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố dự kiến cấp 01 lô đất tái định cư diện tích 67,37m², đơn giá 6.000.000đ vị trí tại khu tái định cư phía nam đường 52m được duyệt theo quy hoạch chi tiết chia lô 1/500 tại QĐ 2556/QĐ-UBND ngày 13/7/2007 của UBND tỉnh và tại QĐ 2709/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh chưa được phê duyệt. Bản thân bà H1 cũng không đồng ý phương án này. Kể từ thời điểm đó bà H1 liên tục có đơn khiếu nại, kiến nghị cộng với một số vấn đề vướng mắc về trình tự, thủ tục pháp lý liên quan đến người có tài sản đang sinh sống ở nước ngoài, thủ tục ủy quyền, vấn đề sở hữu chung...nên phương án giao đất tái định cư cho ông T, bà H bị đình trệ. Tại kết luận số 310/KL-TTr ngày 13/6/2017 của Thanh tra tỉnh Hải Dương, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh theo thông báo số 146/TB-VP ngày 19/9/2016, UBND Thành phố Hải Dương đã ban hành QĐ 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 về việc giao đất cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H tại KDC Đông Q (giai đoạn 2), theo đó ông T, bà H được giao 02 lô đất gồm Lô số 9, diện tích 81,0m² và Lô số 10, diện tích 74,5m², tổng là 155,5m² tại khu G, đường BT, khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2), phường P, TP Hải Dương mục đích: Đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, thu tiền theo đơn giá tái định cư năm 2006 đối với 120m², 35,5m² còn lại thu theo đơn giá của UBND tỉnh (theo QĐ 1752/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương). Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu: Sau khi nhận đất tái định cư, bà H1 có đơn khiếu nại đối với QĐ 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND thành phố Hải Dương. Ngày 28/01/2019 Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương đã ban hành QĐ số 522/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà H1 với nội dung giữ nguyên QĐ 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND thành phố về việc giao đất cho ông Phùng Hoàng T, Trần Thị Thu H tại khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2) để thực hiện dự án xây dựng đường 52m, thành phố Hải Dương (đã được điều chỉnh tại QĐ 1752/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND thành phố). Việc bà H1 khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện bổ sung, bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định: Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 39,

42, 55 và 56 Luật Đất đai năm 2003; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 9, khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28 và 29, Điều 36, 37, 38, 39, 40 của Luật Khiếu nại; Điều 7, 8 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí lệ phí Tòa án. Xứ: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H do người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị H1 khởi kiện về việc yêu cầu: Hủy quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương giải quyết tái định cư cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H thêm 01 xuất tái định cư; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương Bồi thường do chậm giao đất nên giá trị chênh lệch tài sản giữa đường BT là $70.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, đường 53m là $13.200.000\text{đ}/\text{m}^2$, thiệt hại số tiền là $180,4\text{m}^2 \times 70.000.000\text{đ} = 12.628.000.000\text{đ}$, $180,4\text{m}^2 \times 13.200.000\text{đ} = 2.381.280.000\text{đ}$, số tiền chênh lệch là $10.246.720.000\text{đ}$; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương bồi thường 06 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo biên bản kiểm kê khối lượng giải phóng mặt bằng ngày 13/9/2007. Cụ thể 06 nhà và tài sản gắn liền với đất khác tính thành tiền là $385.613.000\text{đ} \times 2,98$ (hệ số) = $1.149.126.000\text{đ}$. Phụ lục bồi thường nhà điện quang tại nhà số 4 là $25.550.000\text{đ}$ chưa được bồi thường; Đề nghị UBND thành phố Hải Dương bồi thường diện tích đất bị thu hồi là $180,4\text{m}^2 \times 13.200.000\text{đ}$ (giá năm 2008) = $2.381.280.000\text{đ}$. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2020, người được ủy quyền của người khởi kiện là bà Vũ Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người được ủy quyền của người khởi kiện là bà Vũ Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện gửi bài phát biểu quan điểm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện do bà Vũ Thị H1 là người đại diện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H do người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị H1 đại diện, giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện UBND thành phố Hải Dương, Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; UBND tỉnh Hải Dương đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt không lý do. Tòa án xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền: Ngày 09/7/2019, bà Vũ Thị H1 là người được ủy quyền của ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu xem xét đối với: Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương, về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Quyết định này có liên quan trực tiếp đến Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND thành phố Hải Dương, về việc giao đất tái định cư cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H tại Khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2); Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngoài ra, người khởi kiện còn yêu cầu: UBND thành phố Hải Dương giải quyết tái định cư cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H thêm 01 suất tái định cư; Bồi thường do chậm giao đất nên giá trị chênh lệch tài sản giữa đường BT là $70.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, đường 52m là $13.200.000\text{đ}/\text{m}^2$, thiệt hại số tiền là $180,4\text{m}^2 \times 70.000.000\text{đ} = 12.628.000.000\text{đ}$; $180,4\text{m}^2 \times 13.200.000\text{đ} = 2.381.280.000\text{đ}$, số tiền chênh lệch là $10.246.720.000\text{đ}$; Bồi thường 06 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo biên bản kiểm kê khối

lượng giải phóng mặt bằng ngày 13/9/2007, cụ thể 06 nhà và tài sản gắn liền với đất khác tính thành tiền là $385.613.000đ \times 2,98$ (hệ số) = 1.149.126.000đ. Phụ lục bồi thường nhà điện quang tại nhà số 4 là 25.550.000đ chưa được bồi thường; Bồi thường diện tích đất bị thu hồi là $180,4m^2 \times 13.200.000đ$ (giá năm 2008) = 2.381.280.000đ. Căn cứ các yêu cầu khởi kiện nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: Quyết định hành chính bị kiện gồm Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 về việc giao đất tái định cư cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H tại Khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2) được UBND thành phố Hải Dương ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Các quyết định giải quyết khiếu nại bao gồm Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương ban hành giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết khiếu nại lần 2, được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Khiếu nại.

[4]. Về các căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:

[4.1]. Về Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND thành phố Hải Dương: Xét thấy, nguồn gốc quyền sử dụng đất của ông T, bà H là do nhận chuyển nhượng của ông H2, bà T2 tại lô 5b, tờ bản đồ số 40, diện tích $150m^2$, phố TN, phường P, thành phố Hải Dương và viết giấy ủy quyền cho bà H1 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, bà H1 là người quản lý sử dụng cho đến khi có quyết định thu hồi đất và khẳng định quyền sử dụng đất trên là của ông T, bà H. Tuy nhiên, bà H1 chưa thực hiện các thủ tục chuyển quyền theo quy định. Dự án đường 52m kéo dài được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt dự án, các quyết định thu hồi đất chung cho dự án số 1714/QĐ-UBND ngày 06/5/2004 và 1843/QĐ-UBND ngày 18/5/2007, UBND thành phố Hải Dương có quyết định thu hồi đất của ông T, bà H số 2097/QĐ-UBND ngày 19/12/2007, với diện tích $215m^2$, thửa số 4, tờ bản đồ số 16, tại số 240, đường LN, thành phố Hải Dương. Ông T, bà H ở nước ngoài nhưng vẫn mong muốn được lấy diện tích đất tái định cư để sau này về Việt Nam sinh

sống, ngoài ra ở Việt Nam ông T, bà H không có chỗ ở nào khác nên đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại Điều 4 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (viết tắt Nghị định 197); Điểm 4 phần I Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, quy định diện tích đất bồi thường bằng giao đất ở mới cho người bị thu hồi cao nhất bằng hạn mức đất ở tại địa phương. Hạn mức cao nhất đối với đất ở tại Hải Dương là 120m² và việc giao 01 suất đất tái định cư cho ông T, bà H được UBND tỉnh Hải Dương đồng ý và thể hiện bằng văn bản chỉ đạo số 146/TB-VP ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh Hải Dương. UBND thành phố Hải Dương đã ban hành Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017, về việc giao đất cho ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H tại Khu dân cư Đông Q (giai đoạn 2), gồm Lô số 9, diện tích 81m², Lô số 10, diện tích 74,5m², tổng 155,5m² khu G, đường BT, thu tiền 120m² tính theo thời điểm 2006, còn lại 35,5m² tính theo giá quy định của UBND tỉnh Hải Dương. Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 15 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/5/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 7 Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 05/5/2005 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương quy định: "Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng; nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất theo nguyên tắc người được bồi thường trực tiếp nhận tiền bồi thường và tổng số tiền bồi thường của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang có đồng quyền sử dụng đất bằng tổng số tiền bồi thường cho toàn bộ diện tích đất đồng quyền sử dụng. Như vậy, ông T, bà H là hai cá nhân có đồng quyền sử dụng đất bị thu hồi, việc UBND thành phố Hải Dương quyết định giao 01 suất đất tái định cư là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2]. Về Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu: Người khởi kiện khiếu nại với nội dung theo Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND thành phố Hải Dương chưa giao đủ diện tích đất tái định cư, ông T và bà H là hai cá nhân đồng quyền sử dụng, nên phải được tính 02 lần hạn mức, nhưng tại quyết định trên chỉ giao 01 lần hạn mức đất tái định cư là 120m², còn thiếu 120m². Chưa tính toán giá trị chênh lệch giữa đường 52m với đường BT để trả cho ông T, bà H. Bồi thường thiệt hại do chậm giao đất từ năm 2007-2017, làm rõ lý do không giao đất tái định cư cho ông T, bà H tại đường 52m và lý do chỉ còn 02 lô đường BT mà không phải 03 lô. Xét thấy, việc bà H1 cho rằng ông T và bà H là hai cá nhân đồng quyền sử dụng, nên phải được tính 02 lần hạn mức, nhưng tại quyết định trên chỉ giao 01 lần hạn mức đất tái định cư 120m², còn thiếu 120m² là không có

căn cứ và không được chấp nhận như nhận định tại Mục [4.1] nêu trên. Đối với việc tính toán phần chênh lệch giá giữa đường 52m kéo dài với đường BT, xét thấy: Tại Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 đã giao ông T, bà H tại Lô số 9, diện tích 81m^2 và Lô số 10, diện tích $74,5\text{m}^2$, tổng là $155,5\text{m}^2$, khu G, đường BT, Khu dân cư Đông Q, với đơn giá $4.800.000\text{đ}/\text{m}^2$, đúng với đơn giá tái định cư trong hạn mức (120m^2) thời điểm 2006 tại khu dân cư Đông Q, giai đoạn 2 do UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 20/6/2006, phần vượt hạn mức $35,5\text{m}^2$ thu theo đơn giá của UBND tỉnh tại thời điểm giao đất là $25.200.000\text{đ}/\text{m}^2$, tuy nhiên, UBND thành phố Hải Dương đã điều chỉnh đơn giá của $35,5\text{m}^2$ theo đơn giá thu tiền hạn mức giao đất tái định cư năm 2006, khu dân cư Đông Q là $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2$. Việc chậm giao đất có một phần lỗi của người bị thu hồi và một phần lỗi của cơ quan nhà nước, nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, UBND thành phố Hải Dương đã điều chỉnh đơn giá là phù hợp cho người bị thu hồi đất. Đối với nội dung khiếu nại về việc không giao đất tái định cư cho ông T, bà H tại đường 52m kéo dài và lô thứ ba tại đường BT, xét thấy, khu đất dự kiến tái định cư diện tích 669m^2 trên đường 52m và lô thứ 3 tại đường BT chỉ là dự kiến, nằm ngoài phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên không thể giao cho ông T, bà H diện tích đất tái định cư trên trục đường 52m. Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương không chấp nhận khiếu nại của bà H1 và giữ nguyên Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 là có căn cứ.

[4.3]. Về Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương, về việc giải quyết khiếu nại lần 2: Căn cứ các biên bản xác minh và báo số 386/BC-TTr ngày 17/6/2019 của Chánh Thanh tra tỉnh về kết quả xác minh nội dung khiếu nại đã xác định việc thu hồi đất và bồi thường tái định cư đối với ông T, bà H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Mục 4, phần I, mục 1.2 Phần V thông thư số 116/204/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Về việc tính toán giá trị chênh lệch đường 52m kéo dài với đường BT để trả cho ông T, bà H. Tại thời điểm năm 2007-2008, UBND thành phố Hải Dương có định hướng tái định cư cho ông T, bà H 01 lô đất tại đường 52m nhưng chưa thực hiện được bằng quyết định cụ thể, chưa có giá trị pháp lý bắt buộc thực hiện nên việc tính toán chênh lệch là không có căn cứ. Về nội dung yêu cầu UBND thành phố Hải Dương phải bồi thường do chậm giao đất, chậm giải quyết bồi thường tái định cư từ năm 2007-2018. Tại bản cam kết ngày 05/12/2008, giữa ban GPMB thành phố Hải Dương và bà H1 có nêu giao cho bà H1 lô đất tái định cư có sự ưu tiên về vị trí, đúng theo bản quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt, diện tích $67,27\text{m}^2$, tuy nhiên, bà H1 đề nghị cấp thêm 01 suất tái định cư nữa. Qua nhiều

cuộc họp và ngày 05/10/2010, UBND thành phố Hải Dương đã quyết định giao 01 lô đất tái định cư diện tích 81m^2 và bán thêm cho bà H, ông T 01 lô đất tại đường BT (Khu G thuộc khu dân cư Đông Q giai đoạn 2) theo giá thị trường tại thời điểm giao mặt bằng. Bà H1 không đồng ý mà lại yêu cầu được 02 lô đất tái định cư và mua thêm 01 lô đất ở. Ngày 21/4/2011, tại biên bản làm việc với ông T, bà H1 đã nhất trí phương án bồi thường và đề nghị giải quyết được lấy 02 lô đất tái định cư, ngày 24/11/2011 bà H1 đã có đơn đồng ý nhận 02 lô đất tái định cư tại đường BT. Ngày 10/2/2012, bà H1 lại không đồng ý lấy 02 lô đất tại đường BT mà đề nghị lấy các lô đất tại đường Trương Mỹ. Như vậy, việc chậm trễ do người có đất bị thu hồi (đang sinh sống tại nước ngoài, vụ việc có đơn khiếu nại nhiều lần, kéo dài), không có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường Nhà nước, theo quy định tại Điều 7, 8 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Nội dung việc khiếu nại của bà H1 đối với Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương là không có căn cứ. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với của bà Vũ Thị H1 là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị hủy quyết định là có căn cứ.

[5]. Về yêu cầu giải quyết thêm 01 suất tái định cư: Ông T, bà H không phải là vợ chồng, nhận chuyển nhượng chung diện tích đất của ông H2, bà T2 vào ngày 03/7/1995. Căn cứ quy định tại Quyết định số 4316/2006/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Hải Dương, thì hạn mức giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở khu vực đô thị không quá 120m^2 . UBND thành phố Hải Dương đã giao cho ông T, bà H hai lô đất có tổng là $155,5\text{m}^2$ tại khu G, đường BT, Khu dân cư Đông Q, với đơn giá $4.800.000\text{đ}/\text{m}^2$ đúng với đơn giá tái định cư trong hạn mức (120m^2) thời điểm 2006, giai đoạn 2 là phù hợp pháp luật. Vì vậy, cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện cho rằng mỗi suất đất tái định cư là 120m^2 , nên phải giao tổng là 240m^2 là có căn cứ.

[6]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do chênh lệch về giá đất với số tiền là 1.517.040.000đ: Căn cứ biên bản kiểm kê tài sản và bản tính toán bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 30/6/2008 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/7/2008. Tổng tiền bồi thường là 2.288.490.000đ. Ngày 29/8/2008 bà H1 đã nhận 1.788.490.000đ, còn lại 500.000.000đ chưa nhận nhằm mục đích khi được giao đất tái định cư thì nộp tiền sử dụng đất. Do bà H1 có đơn khiếu nại, UBND thành phố Hải Dương ra quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 04/12/2008 điều chỉnh diện tích đất thu hồi theo hướng không thu hồi $34,6\text{m}^2$ trị giá 124.115.000đ (UBND thành phố Hải Dương chưa điều chỉnh giảm số tiền theo phương án bồi thường được duyệt nên số tiền còn lại chưa nhận của bà H, ông T là 375.885.000đ). Ngày 13/11/2017, UBND thành phố Hải Dương có quyết định

2956/QĐ-UBND và quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 giao đất và về việc điều chỉnh thu tiền sử dụng đất cho ông T, bà H, Lô số 9 khu G, đường BT, Khu dân cư Đông Q diện tích $81\text{m}^2 \times 4.800.000\text{đ}/\text{m}^2 = 388.800.000\text{đ}$, Lô số 10, khu G, đường BT, KDC Đông Q diện tích $74,5\text{m}^2$, trong đó có $39\text{m}^2 \times 4.800.000\text{đ}/\text{m}^2 = 187.200.000\text{đ}$, $35,5\text{m}^2 \times 6.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 213.000.000\text{đ}$. Tổng hai lô là 789.000.000đ. Đối trừ với số tiền ông T, bà H chưa nhận là 375.885.000đ. Tiền sử dụng đất ông T, bà H phải nộp là $789.000.000\text{đ} - 375.885.000\text{đ} = 413.115.000\text{đ}$. Người khởi kiện đã nhận số tiền bồi thường là 1.788.490.000đ, nay được giao 02 lô suất đất tái định cư nên phải nộp tiền sử dụng đất khi tái định cư là đúng quy định, mặc dù diện tích đất tái định cư được giao năm 2017 nhưng UBND TP Hải Dương vẫn tính theo bảng giá đất bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2008 là đúng quy định tại Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường tái định cư. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính chênh lệch giá đất đường 52m và đường BT là có căn cứ.

[7]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm giao đất là 10.246.720.000đ: Việc chậm giao đất thì UBND thành phố Hải Dương, Ban GPMB thành phố Hải Dương đã làm việc nhiều lần với bà H1 từ những năm đầu giải phóng mặt bằng, có nhiều cuộc đối thoại đề ra các phương án bồi thường, bà H1 không nhất trí nên khiếu kiện kéo dài, thường xuyên thay đổi yêu cầu đòi bồi thường, yêu cầu thay đổi vị trí đất tái định cư. Trong khi đó ông T, bà H ở nước ngoài nên thủ tục pháp lý bồi thường tái định cư đối với người Việt Nam ở nước ngoài còn mất thời gian, việc chậm giao đất tái định cư là do cá nhân người có đất bị thu hồi. Cấp sơ thẩm không chấp nhận việc đòi bồi thường số 10.246.720.000đ do chậm giao đất là có căn cứ.

[8]. Về yêu cầu bồi thường 06 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất nhân với hệ số 2,98 và phụ lục bồi thường nhà điện quang. Xét thấy, tại biên bản kiểm kê tài sản và bản tính toán bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 30/6/2008 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 2709/QĐ-UBND ngày 23/7/2008, ông T, bà H được nhận tổng số tiền đối với các tài sản và vật kiến trúc là $385.613.000 \times 1,5$ (điều chỉnh hệ số) $= 578.420.000\text{đ}$, trong đó nhà điện quang được tính bồi thường đối với các tài sản không di chuyển được như cầu thang lát gạch, bể tự hoại, bể nước, sân lát, trát tường bằng BaSO₄, làm phòng X-Quang, chất phóng xạ..., còn các tài sản di chuyển được thì tính công vận chuyển và đã được tính toán chi tiết tại Bản tính toán bồi thường ngày 29/8/2008 và được tính hệ số K=1,50 là phù hợp với Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 14/4/2008 của UBND tỉnh Hải Dương. Mặt khác, bà H1 đã nhận 1.788.490.000đ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào năm 2008, nay bà H1 yêu cầu tính lại hệ số tại thời điểm hiện tại là 2,98 để tăng tiền bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9]. Về yêu cầu buộc bồi thường số tiền $180,6\text{m}^2 \times 13.200.000\text{đ}/\text{m}^2$

=2.383.920.000đ. Xét thấy, việc UBND thành phố Hải Dương căn cứ từng loại đất áp dụng đơn giá là đúng quy định. Cụ thể diện tích thu hồi vĩnh viễn là 180,4m², đất mượn thi công là 33,3m². Theo đó đất ở vị trí 1 là 103,32m² x 13.200.000đ/m² = 1.363.824.000đ, đất ở vị trí 2 là 25,78m² x 5.400.000đ/m² = 139.212.000đ, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư 51,3m² x 1.410.000đ = 72.333.000đ, đất thu hồi tạm thời mượn thi công trong đó đất ở 20,9m² x 40.500đ/m² = 846.000đ, đất vườn 9,1m² x 16.700đ/m² = 152.000đ, đất nông nghiệp 3,3m² x 4.000đ = 13.000đ. Tổng tiền bồi thường về đất là 1.576.380.000đ. Việc bà H1 yêu cầu tính cả 180,6m² tính bằng giá đất ở năm 2008 là không đúng pháp luật, hơn nữa số tiền bồi thường trong đó có tiền sử dụng đất bà H1 đã nhận từ năm 2008. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà H1 là có căn cứ.

[10]. Từ các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Hoàng T và bà Trần Thị Thu H, do người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị H1 khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11]. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12]. Về án phí: Ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H kháng cáo không được chấp nhận, nên ông T, bà H phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Hoàng T và bà Trần Thị Thu H (*do người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị H1 làm đơn kháng cáo*).

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

3. Về án phí: Ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H mỗi người phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí (do bà Vũ Thị H1 nộp thay ông T và bà H), theo Biên lai thu số 0002105 ngày 26/3/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hải Dương. Ông Phùng Hoàng T, bà Trần Thị Thu H mỗi người còn phải nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các Đương sự; (theo Địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Đình Lực

